TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023
V/v "Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Khắc T chung sống với nhau như vợ chồng và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà L và ông T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi lấy nhau bà L và ông T chung sống với nhau ở huyện C, tỉnh Đăk Lăk (nay là tỉnh Đăk Nông) cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L và ông T có quan điểm sống không hợp

nhau, không hiểu nhau về tính cách nên việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái cũng có nhiều mâu thuẫn. Nhiều lần hai bên tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa. Đến nay các con chung của bà L và ông T đã lớn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Khắc T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Khắc T có 05 con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/3/1992; Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/2/1994; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1996; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2003 và Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006. Hiện nay 04 con chung H, G, T, D đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L có nguyện vọng được nuôi con chung là Nguyễn Khắc Hà D1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Khắc Hà D1 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông T và bà L lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi lấy nhau ông T, bà L chung sống với nhau ở huyện C, tỉnh Đăk Lăk (nay là tỉnh Đăk Nông) cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau về tính cách nên việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái cũng có nhiều mâu thuẫn. Ông T và bà L đã tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông T và bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà L có 05 con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/3/1992; Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/2/1994; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1996; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2003 và Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006. Hiện nay 04 con chung H, G, T, D đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T đồng ý giao con chung là Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi

trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Khắc Hà D1 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Khắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Khắc T là vợ chồng.

+ Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/3/1992; Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/2/1994; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1996; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2003 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết; đề nghị giao con chung Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chấp nhận ông Nguyễn Khắc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Khắc Hà D1 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D1.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông Nguyễn Khắc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Khắc T; nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông; bà L chung sống với ông T từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đây

là vụ án "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Bà L chung sống với ông T từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Quá trình bà Nguyễn Thị L chung sống với ông Nguyễn Khắc T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau về tính cách nên việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái giữa hai bên có nhiều quan điểm khác nhau. Sự việc đã được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Tại điều Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn

1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Khắc T.

[4]. Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/3/1992; Nguyễn Thị Gi, sinh ngày 28/2/1994; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1996; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2003 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên HĐXX không đề cập giải quyết. Xét thấy con chung Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006 cần sự chăm sóc của mẹ để tiếp tục việc học tập ổn định, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Nguyễn Khắc Hà D1 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu D1 được ở với mẹ.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà L và ông T đã thỏa thuận và thống nhất được với nhau ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Khắc Hà D1 01 lần là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu), thời gian ông T đưa tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L từ ngày 01/9/2023 đến ngày 10/9/2023. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên cần chấp nhận.

Ông Nguyễn Khắc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 143; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53; Điều 57; các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Khắc T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Khắc T có nghĩa vụ cấp dưỡng 01 lần tiền nuôi con chung Nguyễn Khắc Hà D1, sinh ngày 24/01/2006 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời gian ông T đưa tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L từ ngày 01/9/2023 đến ngày 10/9/2023.

Ông Nguyễn Khắc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000022 ngày 21/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Ông Nguyễn Khắc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- UBND xã Nam Dong;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

NGUYỄN TIẾN THỌ